

Số: 29/2024/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và
hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 07 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Thông tư quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 286/TTr-STNMT ngày 11 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân và hạn mức giao đất ở cho cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể:

1. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Khoản 5 Điều 141 Luật Đất đai đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18

tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993.

2. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn theo quy định tại Khoản 2, Điều 195 Luật Đất đai.

3. Hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại đô thị theo quy định tại Khoản 2, Điều 196 Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục về giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở.

2. Người sử dụng đất có yêu cầu được giao đất, công nhận quyền sử dụng đất ở.

3. Tổ chức, cá nhân khác có quyền và nghĩa vụ liên quan.

Điều 3. Hạn mức công nhận đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 như sau:

1. Tại các phường, thị trấn: Không quá 300 m².

2. Tại các xã: Không quá 400 m².

Điều 4. Hạn mức giao đất ở

1. Hạn mức giao đất ở tại đô thị (tại các phường, thị trấn): Không quá 300 m².

2. Hạn mức giao đất ở tại nông thôn (tại các xã): Không quá 400 m².

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ~~29~~ tháng ~~10~~ năm 2024 và thay thế Điều 3 của Quy định hạn mức đất ở và điều kiện tách thửa đất đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

Điều 6. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 6;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Trung tâm PVHCC;
- LĐVP, P. KT, NC;
- Lưu: VT.(Trung13)



Trần Tuệ Hiền